

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 356/2022/DS-PT
Ngày: 10-8-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng
tặng cho quyền sử dụng đất; Thừa kế
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T
Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng N
Bà Lê Thị Trúc P

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ N – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Võ Thị T - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 10 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 136/2022/TLPT-DS ngày 31 tháng 5 năm 2022, về “*Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; Thừa kế quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 254/2022/QĐXXPT-DS ngày 20 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số 379, QLT, ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

1.2. Bà Nguyễn Ánh H, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số 506, ấp T, xã Tân Nhuận Đ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

1.3. Bà Nguyễn Mỹ H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số 28 Lô B, ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp T, xã Tân Nhuận Đ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1953.

3.2. Bà Nguyễn Ánh H, sinh năm 1956.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, Đồng Tháp.

3.3. Chị Nguyễn Mỹ H, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp Tân N, xã Tân Nhuận Đ, huyện C, Đồng Tháp.

3.4. Anh Trần Văn K, sinh năm 1982.

3.5. Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1985.

3.6. Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã Tân Nhuận Đ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.7. Văn phòng Công chứng huyện C.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Võ Thụy L - Trưởng Văn phòng Công chứng huyện C.

Địa chỉ: QLT, thị trấn Cái Tàu H, huyện C, Đồng Tháp.

3.8. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Minh T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: QLT, khóm P, thị trấn Cái Tàu H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4. *Người kháng cáo:*

4.1. Bà Nguyễn Kim H là nguyên đơn trong vụ án;

4.2. Bà Nguyễn Mỹ H nguyên đơn trong vụ án;

4.3. Chị Nguyễn Mỹ H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa các nguyên đơn bà Nguyễn Kim H, Nguyễn Ánh H, Nguyễn Mỹ H cùng trình bày: Cha mẹ của các nguyên đơn là ông Nguyễn Văn X (chết năm 2013) và bà Huỳnh Thị K (chết năm 1987), ông X bà K có bảy người con gồm: Nguyễn Kim H, Nguyễn Kim H, Nguyễn Ánh H, Nguyễn Ánh H, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Mỹ H và Nguyễn Mỹ H.

Ông Nguyễn Văn X có diện tích đất 2.995,5m² thuộc thửa đất số 262, tờ bản đồ số 8, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông X vào năm 1993, đất tọa lạc tại ấp T, xã Tân Nhuận Đ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Khoảng 04/2013, ông X bệnh nặng và phải điều trị tại bệnh viện Đa khoa S, khi ông X đang điều trị, sức khỏe yếu phải thở bằng bình oxy nhưng đã lập hợp đồng tặng cho QSD thửa đất 262, tờ bản đồ số 8 cho ông Nguyễn Tấn L vào ngày 03/4/2013 và được Văn Phòng công chứng huyện C công chứng, ông L đã đăng ký và được cấp giấy CNQSD đất thành thửa 33, tờ bản đồ số 67, diện tích 2.955,5m² (thửa cũ là thửa 262). Các nguyên đơn cho rằng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông X và ông Nguyễn Tấn L là gian dối, vì khi nằm viện sức khỏe ông X đã rất yếu đang trong tình trạng hấp hối đồng thời sau khi lập hợp đồng tặng cho ngày 03/4/2013 đến ngày 13/4/2013 thì ông X chết.

Các nguyên đơn thừa nhận phân đất thửa 33 tờ bản đồ số 67 diện tích 2.955,5m² (thửa cũ là thửa 262) tuy ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 25/5/1993 là cấp cho hộ nhưng đó là đất cấp cho cá nhân ông X.

Nay các nguyên đơn yêu cầu:

- Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 1857, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/4/2013 của Văn phòng Công chứng C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp là vô hiệu;

- Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 807329 ngày 22/5/2013, thuộc thửa số 33, tờ bản đồ số 67, diện tích 2955,5m² do ông Nguyễn Tấn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Yêu cầu chia di sản thừa kế của cha ruột là ông X để lại: Đất thuộc thửa số 33, tờ bản đồ số 67, diện tích 2.995,5m², sau khi trừ diện tích căn nhà của bà H đang sử dụng ($2.995,5\text{m}^2 - 100\text{m}^2$) = 2.885,5m² sẽ chia cho bảy người con, cụ thể mỗi người yêu cầu được chia diện tích 407,9m².

Cụ thể diện tích các đương sự yêu cầu được chia thể hiện qua các mốc (Theo sơ đồ đo đạc ngày 18/02/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C) sau:

Bà H yêu cầu được 407,9m² thể hiện qua các mốc 5, 6, 7, A, F, G, 5;

Bà H yêu cầu được 407,9m² thể hiện qua các mốc A, F, G, H, E, B, A;

Bà H yêu cầu được 407,9m² thể hiện qua các mốc B, C, D, I, H, E, B;

Các nguyên đơn đồng ý trả tiền giá trị tài sản trên đất cho ông L theo các biên bản định giá tài sản của Tòa án và đồng ý để lại căn nhà của ông X cho bà H sử dụng, không tranh chấp giá trị căn nhà ông X với bà H.

Về diện tích đất mà anh Trần Văn K đang sử dụng diện tích 44,9m² thể hiện qua các mốc 1, 2, 10, 9, 1, các nguyên đơn không tranh chấp, không yêu cầu chia thừa kế. Tuy nhiên anh K phải để diện tích đất này làm nhà thờ.

- *Bị đơn ông Nguyễn Tấn L trình bày:* Thống nhất lời trình bày của các nguyên đơn về mối quan hệ huyết thống và nguồn gốc đất là của cá nhân ông X.

Năm 2013, ông X bị bệnh phổi có điều trị tại bệnh viện đa khoa S. Thời gian ông X điều trị tại bệnh viện do bà H và ông L trực tiếp chăm sóc. Đến khoảng đầu tháng 4/2013 thì bệnh của ông X trở nặng, Do trước đây khi ông X còn khỏe mạnh đã có ý định cho ông L thừa đất 33 (thửa cũ là thửa 262), tờ bản đồ số 67 nên khi ông X bệnh nặng, ông L nghĩ rằng sau khi ông X chết thì việc thực hiện thủ tục sang tên đất sẽ khó khăn, vì vậy ông X, ông L đã yêu cầu Văn phòng công chứng huyện C thực hiện hợp đồng tặng cho QSD đất diện tích 2.955,5m², thuộc thửa 33, tờ bản đồ số 67 cho ông L. Ngày 03/4/2013 ông X lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 1857, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD được Văn phòng Công chứng C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp công chứng. Sau khi lập hợp đồng tặng cho thì ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do đó đối với yêu cầu các nguyên đơn:

- Ông L không đồng ý tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông X với ông L là vô hiệu, không đồng ý chia thừa kế phần đất nêu trên theo yêu cầu của các nguyên đơn và bà H.

- Ông L đồng ý tách diện tích đất 44,9m² theo các mốc 1, 2, 10, 9 thuộc một phần thửa số 33, tờ bản đồ số 67 cho anh K.

- Ông L đồng ý tách diện tích 38,2m² theo các mốc 10, 2, K, 15, 14, 13, 12, 10 nơi có căn nhà của ông X cho bà H. Về diện tích lối đi 15,8m² theo các mốc 8, 9, 10, 12, 11, N, 8 vào nhà ông X. Ông L yêu cầu được sử dụng làm lối đi chung

giữa ông L với bà H. Ông L đồng ý để lại căn nhà của ông X cho bà H, sử dụng không tranh chấp giá trị căn nhà ông X với bà H.

- *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. *Bà Nguyễn Mỹ H trình bày:* Bà H thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà yêu cầu được sử dụng diện tích đất 407,9m² thuộc thửa số 33, tờ bản đồ số 67, đất tọa lạc tại ấp T, xã Tân Nhuận Đ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nơi có căn nhà của ông Nguyễn Văn X để lại thể hiện qua các mốc 8, 9, 10, 2, K, 3, 4, J, 1, 16, 15, 14, 13, 12, 11, N, 8.

2. *Bà Nguyễn Kim H trình bày:* Bà H thống nhất theo lời trình bày của ông L, bà chỉ yêu cầu ông L để lại diện tích đất 44,9m² nơi có căn nhà sửa xe để bà H để lại cho anh K. Ngoài ra bà H không có tranh chấp diện tích đất nào khác với ông L.

3. *Bà Nguyễn Ánh H trình bày:* Bà H thống nhất lời trình bày của ông L bà không có tranh chấp gì với ông L, không yêu cầu chia thừa kế diện tích thửa số 33, tờ bản đồ số 67, đất tọa lạc tại ấp T, xã Tân Nhuận Đ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4. *Anh Trần Văn K trình bày:* Anh K thống nhất theo lời trình bày của bà H, anh yêu cầu được tiếp tục sử dụng diện tích 44,9m² theo các mốc 1, 2, 10, 9, 1 thuộc một phần thửa số 33, tờ bản đồ số 67.

5. *Chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:* Chị Nguyễn Thị Kim N thống nhất theo lời trình bày của anh K và bà H.

6. *Nguyễn Thị Thu T trình bày:* Bà Nguyễn Thị Thu T thống nhất theo lời trình bày của ông L.

7. *Văn phòng công chứng huyện C trình bày:* Văn phòng công chứng huyện C thực hiện công chứng hợp đồng tặng cho số 1857, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/4/2013 của Văn phòng Công chứng C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp là thực hiện tại văn phòng công chứng việc thực hiện công chứng hợp đồng đúng theo quy định.

8. *Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp trình bày:* Phần đất thửa số 33, tờ bản đồ số 67 là cấp cho hộ ông X, Đến năm 2013 thửa đất này được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân ông L trình tự thủ tục cấp giấy thực hiện cấp đất đúng theo quy định.

Tại bản án sơ thẩm số Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Kim H, bà Nguyễn Ánh H, bà Nguyễn Mỹ H và yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Mỹ H về việc vô hiệu hợp đồng tặng cho ngày 03/4/2013 ông X lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 1857, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn bà Nguyễn Kim H, bà Nguyễn Ánh H, bà Nguyễn Mỹ H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Mỹ H

3. Chấp nhận ý kiến của ông Nguyễn Tấn L về việc cho bà Nguyễn Mỹ H được quyền quản lý, sử dụng diện tích 38,2m² theo các mốc 10, 2, K, 15, 14, 13,

12, 10 và căn nhà của ông X thuộc một thửa đất số 33, tờ bản đồ số 67 do ông Nguyễn Tấn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Tấn L đồng ý cho anh Trần Văn K được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 44,9m² thể hiện qua các mốc 1, 2, 10, 9, 1 thuộc một phần thửa số 33, tờ bản đồ số 67 do ông Nguyễn Tấn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông L sử dụng diện tích lối đi 15,8m² thể hiện qua các mốc 8, 9, 10, 12, 11, N, 8 thuộc một phần thửa số 33, tờ bản đồ số 67 do ông Nguyễn Tấn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, làm lối đi chung.

Các đương sự Nguyễn Tấn L, Trần Văn K, Nguyễn Mỹ H được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo bản án là sơ đồ đo đạc ngày 18/02/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

5. Về án phí:

- Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Kim H, bà Nguyễn Ánh H.
- Bà Nguyễn Kim H được nhận lại 867.000 đồng theo biên lai thu số 03637 ngày 03/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.
- Bà Nguyễn Ánh H được nhận lại 867.000 đồng theo biên lai thu số 03638 ngày 03/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.
- Bà Nguyễn Mỹ H, bà Nguyễn Mỹ H liên đới chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Mỹ H phải nộp 27.607.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Bà Nguyễn Mỹ H phải nộp 26.182.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về chi phí tố tụng khác:

- Bà Nguyễn Kim H phải chịu 1.233.500 đồng (bà H đã nộp và chi xong)
- Bà Nguyễn Mỹ H phải trả cho bà Nguyễn Kim H 233.500 đồng.
- Bà Nguyễn Mỹ H phải trả cho bà Nguyễn Kim H 1.233.500 đồng.
- Bà Nguyễn Ánh H phải trả cho bà Nguyễn Kim H 1.233.500 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 21/4/2022, bà Nguyễn Mỹ H kháng cáo.
- Ngày 22/4/2022, bà Nguyễn Mỹ H kháng cáo.

Nội dung kháng cáo của bà H và bà H yêu cầu: Sửa bản án sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 08/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp, tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 1857, ngày 03 tháng 4 năm 2013 giữa ông X với ông L, được Văn phòng Công chứng C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp công chứng là vô hiệu; huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.995,5m² do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Tấn L ngày

22/5/2013; yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn X để lại là quyền sử dụng đất diện tích 2.9995,5m² thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ 67 .

- Ngày 21/4/2022, bà Nguyễn Mỹ H kháng cáo yêu cầu: Buộc ông L giao cho bà được nhận diện tích 100m² đất, thuộc thửa số 33, tờ bản đồ 67 và căn nhà của ông X, không đồng ý chịu tiền án phí 26.182.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Hương bà H và bà H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Ông L yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

• Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H và bà H, chấp nhận một phần kháng cáo của bà H.

• Sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí đối với bà H và bà H: Bà H và bà H chỉ chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng.

• Các phần còn lại giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự bà Nguyễn Kim H, bà Nguyễn Ánh H, chị Nguyễn Thị Kim N, bà Nguyễn Thị Thu Thủy, Văn phòng công chứng huyện C, Ủy ban nhân dân huyện C vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với những người tham gia tố tụng nêu trên.

[2] Về nội dung: Nguồn gốc phần đất tranh chấp diện tích 2.955,5m² thuộc thửa 33 (thửa cũ là thửa 262), tờ bản đồ số 67 là đất của cá nhân ông X. Việc này được tất cả những người con của ông X thừa nhận.

Ngày 03/4/2013, ông X đã hợp đồng tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất diện tích 2.955,5m² cho con là ông Nguyễn Tấn L, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng Công chứng huyện C. Ông L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 23/5/2013.

[3] Xét kháng cáo của bà H và bà H cho rằng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông X và ông L được Văn phòng Công chứng C công chứng được lập tại Bệnh viện S vào ngày 03/4/2013, khi lập hợp đồng ông X không còn minh mẫn, ông L cầm tay ông X để lấn tay vào hợp đồng, nên yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho này. Hội đồng xét xử xét thấy, lời trình bày của các nguyên đơn là không có căn cứ. Bởi lẽ, Văn phòng Công chứng huyện C xác định hợp đồng tặng cho số 1857, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/4/2013 giữa ông X với ông L khi được thực hiện có mặt ông X và ông L và được công chứng tại Văn phòng công chứng huyện C. Bên cạnh đó, theo hồ sơ bệnh án của Bệnh viện đa khoa S cung cấp thì ông X nhập viện vào lúc 23 giờ 40 phút ngày 03/4/2013. Như

vậy, ông X nhập viện vào buổi tối nên không thể công chứng tại bệnh viện được. Mặt khác, khi ông X còn sống cũng đã có ý định cho ông L phần đất này việc này được các đương sự thừa nhận. Đồng thời, hợp đồng tặng cho số 1857, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/4/2013 có nội dung, hình thức đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định ông X hợp đồng tặng cho ông L quyền sử dụng đất là sự thật và đúng quy định pháp luật. Nên không chấp nhận kháng cáo của bà H và bà H.

[4] Xét kháng cáo của bà H và bà H yêu cầu chia di sản thừa kế của ông X. Hội đồng xét xử xét thấy, ngày 03/4/2013 ông X đã thực hiện tặng cho ông L thửa đất số 33, tờ bản đồ số 67, diện tích 2.955,5m² nên không còn là tài sản của ông X. Do đó, tài sản này không phải là di sản của ông X để lại. Căn cứ Điều 634 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 612 Bộ luật Dân sự 2015 yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 33, tờ bản đồ số 67 diện tích 2.955,5m² của bà H, bà H là không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của bà H yêu cầu được nhận 100m² đất mà trên đất có căn nhà của ông X. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của bà H là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì, như đã nhận định ở phần trên. Diện tích này đã được ông X tặng cho ông L hợp pháp nên đất thuộc quyền sử dụng của ông L. Ông L đã tự nguyện cho bà H diện tích 38,2m² trên đó có nhà của ông X vì bà H đang sử dụng căn nhà này. Các anh chị em của bà Hạnh đều thống nhất để cho bà Hạnh sử dụng và không tranh chấp căn nhà này. Việc ông L tự nguyện đã có lợi cho bà H, nên không chấp nhận kháng cáo của bà H.

- Xét kháng cáo của bà H không đồng ý chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm chia thừa kế. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “... Đối với vụ án liên quan đến chia tài sản chung, di sản thừa kế thì nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định như sau: ...Đối với phần Tòa án bác đơn yêu cầu thì người yêu cầu chia tài sản chung, di sản thừa kế không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trường hợp Tòa án xác định tài sản chung, di sản thừa kế mà đương sự yêu cầu chia không phải là tài sản của họ thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch”. Căn cứ vào quy định trên, thì tài sản bà Hạnh yêu cầu chia thừa kế không phải là di sản, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 26.182.000 đồng là gây thiệt hại đến quyền lợi của bà H. Như vậy, bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (26.182.000 đồng), bà H chỉ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H.

Đối với bà H phải chịu 27.607.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu chia thừa kế bị bác yêu cầu theo quyết định của bản án sơ thẩm. Mặc dù bà H không kháng cáo nhưng do Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng sai quy định pháp luật gây thiệt hại đến quyền lợi của bà H nên căn cứ điều a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, chỉ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng. Vì vậy, sửa án sơ thẩm về án phí.

- Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa một phần nên bà H, bà Hằng và bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 148, Điều 148 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 132, 676, 634 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 127, 612, 620, 651, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 106 Luật đất đai năm 2003; Điều 166, 167 Luật đất đai năm 2013; Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Kim H và bà Nguyễn Mỹ H.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Mỹ H.

- Sửa bản án sơ thẩm số dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C về án phí.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Kim H, bà Nguyễn Ánh H, bà Nguyễn Mỹ H và yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Mỹ H về việc vô hiệu hợp đồng tặng cho ngày 03/4/2013 ông X lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 1857, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn bà Nguyễn Kim H, bà Nguyễn Ánh H, bà Nguyễn Mỹ H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Mỹ H

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Tấn L về việc cho bà Nguyễn Mỹ H được quyền quản lý, sử dụng diện tích 38,2m² theo các mốc 10, 2, K, 15, 14, 13, 12, 10 và căn nhà của ông X thuộc một phần thửa đất số 33, tờ bản đồ số 67 do ông Nguyễn Tấn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Tấn L đồng ý cho anh Trần Văn K được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 44,9m² thể hiện qua các mốc 1, 2, 10, 9, 1 thuộc một phần thửa số 33, tờ bản đồ số 67 do ông Nguyễn Tấn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông L sử dụng diện tích lối đi 15,8m² thể hiện qua các mốc 8, 9, 10, 12, 11, N, 8 thuộc một phần thửa số 33, tờ bản đồ số 67 do ông Nguyễn Tấn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, làm lối đi chung.

Các đương sự Nguyễn Tấn L, Trần Văn K, Nguyễn Mỹ H được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo bản án là sơ đồ đo đạc ngày 18/02/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Kim H, bà Nguyễn Ánh H.
- Bà Nguyễn Kim H được nhận lại 867.000 đồng theo biên lai thu số 03637 ngày 03/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.
- Bà Nguyễn Ánh H được nhận lại 867.000 đồng theo biên lai thu số 03638 ngày 03/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.
- Bà Nguyễn Mỹ H, bà Nguyễn Mỹ H liên đới chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hợp đồng tặng cho.
- Bà Nguyễn Mỹ H và bà Nguyễn Mỹ H mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về chia thừa kế.

6. Về chi phí tố tụng khác:

- Bà Nguyễn Kim H phải chịu 1.233.500 đồng (bà H đã nộp và chi xong).
- Bà Nguyễn Mỹ H phải trả cho bà Nguyễn Kim H 233.500 đồng.
- Bà Nguyễn Mỹ H phải trả cho bà Nguyễn Kim H 1.233.500 đồng.
- Bà Nguyễn Ánh H phải trả cho bà Nguyễn Kim H 1.233.500 đồng.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà H, bà H và bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà H và bà H mỗi người được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0009101 và số 0009102 cùng ngày 21/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- đương sự;
- Lưu: VT,HSVA,TDS (N).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị T